

HIỆN TRẠNG BẢO VỆ NGUỒN LỢI HẢI SẢN Ở VÙNG BIỂN VEN BỜ VÀ VÙNG LỘNG TỈNH NGHỆ AN

THE STATUS OF PROTECTING MARINE FISHERIES RESOURCES IN THE COASTAL AND INSHORE WATERS OF NGHE AN PROVINCE, VIETNAM

Phạm Sỹ Tấn, Nguyễn Phi Toàn, Lê Văn Bôn

Viện nghiên cứu Hải sản

Tác giả liên hệ: Phạm Sỹ Tấn (Email: phamsitan51hh@gmail.com)

Ngày nhận bài: 17/05/2023; Ngày phản biện thông qua: 19/06/2023; Ngày duyệt đăng: 22/06/2023

TÓM TẮT

Nghiên cứu hiện trạng bảo vệ nguồn lợi hải sản ở vùng biển ven bờ và vùng lộng tỉnh Nghệ An với mục tiêu cung cấp cơ sở khoa học nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ nguồn lợi hải sản và đưa ra các giải pháp quản lý hoạt động khai thác theo hướng bền vững, trên cơ sở điều tra thu thập số liệu thứ cấp và sơ cấp tại Nghệ An trong năm 2021 và năm 2022. Kết quả nghiên cứu cho thấy, lực lượng thanh tra chuyên ngành thủy sản ở tỉnh Nghệ An còn thiếu. Công tác tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật và hoạt động tuần tra, kiểm tra, kiểm soát đã được thực hiện thường xuyên. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm quy định về bảo vệ nguồn lợi hải sản vẫn còn diễn ra: 100% tàu cá làm nghề lưới kéo, nghề lưới chụp và nghề lồng bát quai vi phạm kích thước mắt lưới tại bộ phận tập trung cá, tỷ lệ này ở nghề lưới rê và nghề lưới vây cá cơm lần lượt là 82,1% và 12,5%; 14,4% tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6- < 12 m thường xuyên ra vùng lộng để đánh bắt, 41,2% tàu cá từ 12- < 15 m thường xuyên vào vùng ven bờ để khai thác, riêng đối với nhóm tàu cá < 6 m không vi phạm vùng biển khai thác; 100% ngư dân cho rằng sản lượng khai thác giảm so với những năm trước.

Từ khóa: Ngư cụ, vùng khai thác, bảo vệ nguồn lợi hải sản, Nghệ An.

ABSTRACT

The research on the current state of marine fisheries resource protection in the coastal and inshore waters of Nghe An province provides a scientific basis to improve the effectiveness of marine fisheries resource protection and offers management solutions for the exploitation sustainably, on a survey basis to collect secondary and primary data in Nghe An province from 2021 to 2022. The results show that the specialized fisheries inspection force in Nghe An province is still lacking. Propaganda and dissemination of the provisions of the law and patrol, inspection, and control activities have been carried out regularly. However, the situations of breaching legal in fishery activities are still occurring in some fishing: 100% of fishing vessels work as trawls, stick-held falling and multiple traps violate mesh size, this rate in gill net and anchovy purse seine is 82.1% and 12.5% respectively; 14.4% of fishing vessels with the largest length from 6- < 12 m regularly operate in the inshore water; 41.2% of fishing vessels from 12- < 15 m often operate in the coastal water; especially for groups of fishing vessels < 6 m that do not violate the fishing areas; 100% of fishermen stated that catch is decreasing.

Keywords: Fishing gears, fishing areas, marine fisheries resources protection, Nghe An province.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tỉnh Nghệ An có đường bờ biển dài 82 km, ngư trường rộng lớn, diện tích vùng biển 4.230 hải lý vuông, có nguồn lợi thủy sản đa dạng và phong phú, là nơi tập trung nhiều loài hải sản có giá trị kinh tế cao [10, 11, 7].

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nguồn lợi thủy sản tự nhiên đang ngày càng bị suy giảm, đặc biệt là việc khai thác thủy sản

không đúng quy định như sử dụng xung điện, nghề cấm, ngư cụ cấm, ngư cụ có kích thước mắt lưới nhỏ, khai thác đối tượng chưa trưởng thành, vi phạm vùng biển khai thác vẫn còn nhiều [10, 7]. Tính đến 30/11/2022, tổng số tàu cá của toàn tỉnh Nghệ An là 3.400 chiếc, trong đó tàu có chiều dài nhỏ hơn 15 mét là 2.252 chiếc, chiếm 66,2% tổng số tàu cá của toàn tỉnh; Đây là áp lực rất lớn lên nguồn lợi

hải sản ở vùng ven bờ và vùng lộng tỉnh Nghệ An [5, 4, 7]. Vì vậy, việc nghiên cứu hiện trạng bảo vệ nguồn lợi hải sản ở vùng biển ven bờ và vùng lộng tỉnh Nghệ An là rất cần thiết, nhằm cung cấp cơ sở khoa học góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ nguồn lợi hải sản và đưa ra các giải pháp quản lý hoạt động khai thác theo hướng bền vững.

II. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Tài liệu nghiên cứu

Sử dụng số liệu điều tra hiện trạng nghề cá tại các cảng cá/bến cá và trên tàu cá của ngư dân khai thác hải sản năm 2021 và năm 2022 thuộc dự án “*Điều tra, đánh giá nguồn lợi hải sản vùng ven bờ và vùng lộng biển Nghệ An, đề xuất các giải pháp bảo vệ và khai thác bền vững*”.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

- Thu thập số liệu thứ cấp:

Số liệu thứ cấp như số lượng tàu cá, công tác quản lý và bảo vệ nguồn lợi hải sản được tổng hợp từ các báo cáo của Chi cục thủy sản

Nghệ An; các công trình khoa học có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

- Thu thập số liệu sơ cấp:

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 10 năm 2022 nhằm phỏng vấn trực tiếp ngư dân ở các cảng cá, bến cá, khu vực tập trung ngư dân các huyện, thị xã ven biển tỉnh Nghệ An. Nội dung phỏng vấn bao gồm: kích thước mắt lưới, vùng biển khai thác và quan điểm của ngư dân về công tác bảo vệ nguồn lợi.

Số mẫu khảo sát được thực hiện theo tiêu chuẩn của FAO (2002) [12]. Với độ chính xác 90% và có ít nhất 30 mẫu để đảm bảo độ tin cậy trong thống kê. Dựa trên tổng số tàu thực tế, mỗi nhóm chiều dài tàu của các nghề sẽ thu thập 30 mẫu. Riêng đối với các nhóm nghề: nghề lồng bẫy đã khảo sát được 35 mẫu; nghề lưới vây đã khảo sát được 12 mẫu; nghề lưới chụp đã khảo sát được 33 mẫu; nghề câu đã khảo sát được 25 mẫu; nghề te đã khảo sát được 15 mẫu. Tổng số lượng mẫu điều tra là 270 mẫu. Phân bố số lượng mẫu theo nhóm chiều dài tàu cho từng nghề được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1: Phân bố số lượng mẫu điều tra theo nghề và nhóm chiều dài tàu

TT	Loại nghề	Số mẫu khảo sát theo nhóm chiều dài tàu			Tổng số mẫu điều tra (phiếu)
		<6m	6-<12m	12-<15m	
1	Lưới kéo	0	30	30	60
2	Lưới rê	30	30	30	90
3	Nghề lồng bẫy	0	30	05	35
4	Lưới vây	0	03	09	12
5	Lưới chụp	0	03	30	33
6	Nghề câu	08	12	05	25
7	Nghề te	08	02	05	15
Tổng số		46	110	114	270

2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel để nhập số liệu và phân tích.

- Kích thước mắt lưới tối thiểu tại bộ phận tập trung cá và nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác hải sản ở vùng lộng và vùng ven bờ dựa theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [2]. Tất cả các loại ngư cụ sử dụng kích thước mắt lưới tại bộ phận tập trung cá nhỏ hơn kích thước mắt lưới tối thiểu được

xem là vi phạm quy định. Các nghề, ngư cụ cấm vẫn sử dụng khai thác tại vùng lộng và vùng ven bờ được xem là vi phạm quy định.

- Theo quy định của Chính phủ thì tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 -< 15 m chỉ được hoạt động tại vùng lộng, tàu có chiều dài lớn nhất <12 m chỉ được hoạt động tại vùng ven bờ [6]. Những tàu hoạt động tại các vùng biển trái với quy định này được xem là vi phạm quy định.

- Lực lượng thực thi công tác bảo vệ nguồn

lợi hải sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [1]. Trong nghiên cứu này, So sánh số lượng giữa lực lượng thực thi công tác bảo vệ nguồn lợi hải sản trên các tàu Kiểm ngư thực tế ở địa phương với lực lượng thực thi công tác bảo vệ nguồn lợi hải sản theo quy định.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Hiện trạng công tác quản lý và bảo vệ nguồn lợi hải sản

1.1. Tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất thực thi công tác bảo vệ nguồn lợi hải sản

- Tổ chức bộ máy: Tỉnh có Chi Cục Thủy sản giúp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh thực hiện công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Ở cấp huyện/thị xã/thành phố ven biển có bộ phận thủy sản thuộc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế có nghề cá giúp cho UBND huyện/thị xã/thành phố thực hiện quản lý Nhà nước về lĩnh vực này. Ở xã/phường/thị trấn ven biển có cán bộ kiêm nhiệm thuộc UBND giúp UBND xã, phường thực hiện công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tại địa phương. Ngoài ra còn có lực lượng bộ đội biên phòng hỗ trợ trong việc kiểm tra, kiểm soát và ngăn chặn tàu cá vi phạm pháp luật về lĩnh vực thủy sản.

- Đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất: Lực lượng công chức làm công tác thanh tra chuyên ngành thủy sản của Nghệ An hiện có 08 biên chế, lực lượng làm công tác tuần tra, kiểm tra kiểm soát ở 02 tàu kiểm ngư hiện có 11 người, 2 tàu kiểm ngư gồm 1 tàu vỏ thép công suất 660 cv và 1 tàu vỏ thép công suất 1.100 cv [4]. So với định biên thuyền viên an toàn tối thiểu tàu kiểm ngư theo Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT [1], thì lực lượng này mới đáp ứng được 73% định biên thuyền viên an toàn tối thiểu trên 02 tàu kiểm ngư. Như vậy lực lượng này còn thiếu, chưa đáp ứng được so với yêu cầu tuần tra, kiểm soát được các hoạt động khai thác của ngư dân trên các vùng biển, đặc biệt là vùng ven bờ và vùng lộng.

1.2. Thực trạng văn bản pháp lý về bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản

Thực trạng văn bản pháp lý về bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản là cơ sở pháp lý cho công tác bảo vệ và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi hải sản. Đề chủ động và triển khai có hiệu quả công tác bảo vệ, khôi phục và phát triển nguồn lợi thủy sản, xử lý các hành vi khai thác thủy sản bất hợp pháp, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản; UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành quy định về quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An [8].

Bên cạnh quy định về bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản, tỉnh cũng có quy định về hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản. Theo đó UBND tỉnh công bố hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản ở vùng biển ven bờ và vùng lộng Nghệ An là 2.607 giấy phép, trong đó vùng bờ là 1.953 giấy phép, vùng lộng là 654 giấy phép. Giấy phép được phân bổ cụ thể đối với các nghề: lưới kéo, lưới rê, lưới vây, nghề câu, lưới chụp, lồng bẫy, hậu cần và nghề khác [9].

Tỉnh Nghệ An đã công bố ranh giới phân chia quản lý vùng khai thác hải sản ven bờ với 02 tỉnh giáp ranh là Thanh Hóa và Hà Tĩnh.

Nhìn chung các văn bản pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ, phát triển nguồn lợi hải sản của tỉnh đã quy định tương đối cụ thể. Trong nhiều năm qua, việc áp dụng các quy định về bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản ngày càng nghiêm minh, đúng quy định và khách quan hơn.

1.3. Thực thi pháp luật về bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật:

Năm 2021, tổ chức 14 lớp tập huấn cho 506 ngư dân, chủ tàu cá về Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành. Phối hợp với Tổng cục thủy sản tổ chức 01 lớp tập huấn về phổ biến, hướng dẫn ghi nhật ký khai thác thủy sản và các văn bản liên quan, với tổng 250 người tham dự; phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tổ chức 15 lớp tập huấn tại huyện Quỳnh Lưu và huyện Diễn Châu cho 450 lượt ngư dân; Phối hợp với UBND thị xã Cửa Lò

tổ chức 01 lớp tập huấn Luật Thủy sản và các văn bản liên quan cho 200 đại biểu là cán bộ UBND thị xã, các xã phường ven biển; Phối hợp với Ban quản lý Cảng cá Nghệ An tổ chức 04 lớp tập huấn về phổ biến kiến thức an toàn thực phẩm Cảng cá, tàu cá cho 120 người [3].

Năm 2022, Chi cục thủy sản đã phối hợp với các đơn vị tổ chức 13 lớp tuyên truyền về Luật thủy sản 2017, pháp luật về phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ và các văn bản liên quan với 2.330 lượt ngư dân tham gia. Phối hợp với Hải đoàn 128 tổ chức chương trình hải quân Việt Nam đồng hành với ngư dân vươn khơi bám biển [4].

- Công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát:

Lực lượng thanh tra thủy sản của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả, như trong năm 2021 đã thành lập 33 đoàn kiểm tra, thực hiện 307 ngày tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên biển, kiểm tra 3.007 lượt phương tiện. Xử phạt vi phạm hành chính đối với 84 phương tiện, tổng số tiền phạt là 518,4 triệu đồng. Trong đó Chi cục Thủy sản ra quyết định xử phạt 83 phương tiện với tổng số tiền 505,9 triệu đồng, bàn giao các Đoàn Biên phòng tuyến biển ra quyết định xử phạt 01 phương tiện với số tiền 12,5 triệu đồng. Tịch

thu tang vật gồm: 16 chiếc kích điện, 01 lưới giã cào, 365 mét dây điện [3].

Năm 2022 đã thành lập 18 đoàn kiểm tra, thực hiện 138 ngày tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên biển, kiểm tra 1.468 phương tiện; xử phạt vi phạm hành chính đối với 68 vụ/68 đối tượng/67 phương tiện với số tiền 217 triệu đồng; tịch thu được 03 chiếc kích điện và 15 mét dây điện, bàn giao cho Đoàn Biên phòng Cảng cửa khẩu Cửa Lò - Bến Thủy xử lý 01 vụ/01 phương tiện/01 đối tượng [4].

Như vậy, các hoạt động tuyên truyền, tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên biển tỉnh Nghệ An đã luôn thực hiện thường xuyên, liên tục; từ đó đã góp phần phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản để có biện pháp ngăn chặn và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thực trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản

2.1. Vi phạm về kích thước mắt lưới và nghề, ngư cụ cấm

So sánh tỷ lệ giữa kích thước mắt lưới tại bộ phận tập trung cá của một số loại ngư cụ khai thác hải sản ở Nghệ An với kích thước mắt lưới theo quy định được thể hiện trong bảng 2.

Bảng 2: Tỷ lệ vi phạm kích thước mắt lưới tại bộ phận tập trung cá

TT	Tên loại ngư cụ	Kích thước mắt lưới theo quy định (mm)	Kích thước mắt lưới tại bộ phận tập trung cá (mm)			Tỷ lệ vi phạm quy định kích thước mắt lưới (%)
			Lớn nhất	Nhỏ nhất	Trung bình	
1	Lưới kéo hoạt động vùng lộng	34	20	04	18,6 ± 4,6	100
2	Lưới chụp	40	15	10	11,3 ± 6,5	100
3	Lưới rê cá trích	28	30	20	22,9 ± 3,5	88,8
4	Lưới rê cá mè	60	60	40	48,4 ± 8,1	75,5
5	Lưới vây đánh cá cơm	10	12	04	10,8 ± 3,4	12,5
6	Lồng bắt quai	40	15	10	12,5 ± 2,1	100
7	Te	-	10	04	5,0 ± 2,9	Cấm ở vùng ven bờ và vùng nội địa

So với quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022, thì 100% các tàu làm nghề lưới kéo, lưới chụp, lồng bắt quai đều sử dụng ngư cụ có kích thước mắt lưới tại bộ phận tập trung cá vi phạm quy định; tỷ lệ này ở nghề lưới rê cá trích có 88,8% tàu vi phạm, lưới rê cá mè có 75,5% tàu vi phạm;

nghề lưới vây cá cơm có 12,5% tàu vi phạm; nghề, ngư cụ cấm ở vùng ven bờ vẫn sử dụng trong khai thác hải sản là te, lồng bắt quai và lưới kéo.

2.2. Vi phạm về vùng biển khai thác

Tỷ lệ tàu vi phạm vùng biển khai thác ở vùng biển ven bờ và vùng lộng được thể hiện

trong bảng 3. Theo quy định, tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 -< 15 m chỉ được hoạt động tại vùng lộng, tàu có chiều dài lớn nhất <12 m chỉ được hoạt động tại vùng ven bờ, tuy nhiên, tình trạng hoạt động sai vùng vẫn diễn ra khá phổ biến. Trung bình có 14,4% các tàu ở nhóm chiều dài lớn nhất 6-<12 m thường xuyên ra vùng lộng để đánh bắt; trong đó có 57,1% tàu làm nghề câu vi phạm vùng biển khai thác, tỷ lệ này ở nghề lưới chụp có 30,0% tàu vi

phạm, nghề lưới rê có 25,4% tàu vi phạm, các nghề khác ở nhóm chiều dài này không vi phạm vùng biển khai thác. Có 41,2% tàu ở nhóm chiều dài lớn nhất 12-<15 m thường xuyên vào vùng ven bờ để khai thác; trong đó có 83,0% tàu làm nghề lưới vây vi phạm vùng biển khai thác, tỷ lệ này ở các nghề khác cùng nhóm chiều dài dao động từ 16,0% đến 57,1%. Riêng đối với nhóm tàu <6 m không vi phạm vùng biển khai thác.

Bảng 3: Tỷ lệ tàu vi phạm vùng biển khai thác ở vùng ven bờ và vùng lộng

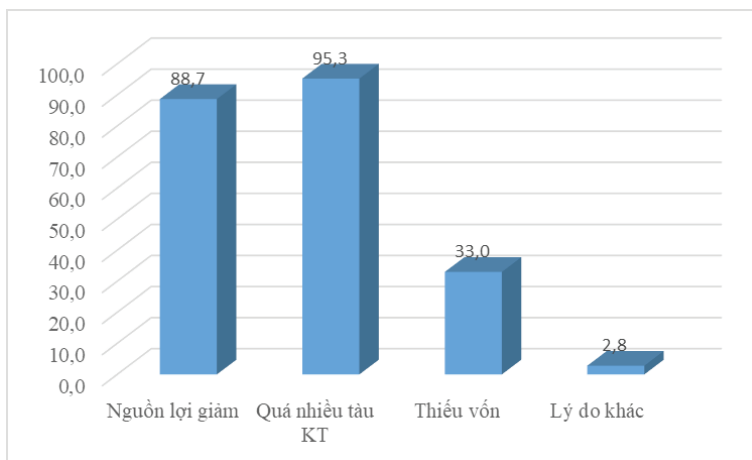
Nhóm nghề	Tỷ lệ vi phạm ngư trường khai thác (%)		
	<6	6-<12	12-<15
Nghề lưới kéo	-	0	43,4
Nghề lưới rê	0	25,4	20,4
Nghề lưới vây	-	0	83,0
Nghề câu	0	57,1	28,6
Nghề lưới chụp	-	30,0	16,0
Nghề lồng bẫy	-	0	40,0
Nghề te	0	0	57,1

2.3. Quan điểm của ngư dân về công tác bảo vệ nguồn lợi hải sản

Kết quả khảo sát cho thấy, có 93,3 % số người được hỏi trả lời có biết về các quy định liên quan đến phân vùng khai thác, nghề, ngư cụ cấm khai thác và quy định liên quan đến bảo vệ nguồn lợi hải sản. Các quy định này được cơ quan chức năng, chính quyền địa phương tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền đến ngư dân. Tuy nhiên, vẫn có 6,7 % người được hỏi trả lời không nắm được các quy định liên quan

đến công tác bảo vệ nguồn lợi.

Qua điều tra quan điểm của ngư dân thì 100% các ý kiến cho rằng sản lượng khai thác giảm so với những năm trước đây. Trong đó: có 95,3% người được điều tra cho rằng sản lượng khai thác giảm là do có quá nhiều tàu khai thác; 88,7% người cho rằng do nguồn lợi hải sản bị suy giảm; 33,0% người cho rằng là do thiếu vốn tu bổ, mua trang thiết bị mới và 2,8% là các yếu tố khác. Kết quả này cho thấy, đa số ngư dân khai thác hải sản đã nhận thấy rõ vấn

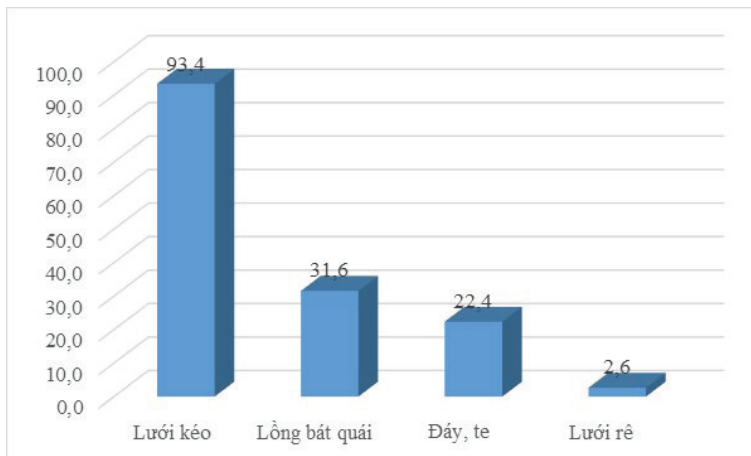


Hình 1: Quan điểm của ngư dân về nguyên nhân sản lượng khai thác giảm.

đề suy giảm nguồn lợi hải sản vùng ven bờ và vùng lộng biển Nghệ An.

Khi được hỏi về loại ngư cụ hoạt động làm ảnh hưởng nhiều đến nguồn lợi hải sản thì có tới 93,4% người được khảo sát cho rằng là

nghe lưới kéo; tỷ lệ ngư dân trả lời nghề lồng bắt quái là 31,6%; tỷ lệ đánh giá nghề lưới đáy, te là 22,4%. Đặc biệt có 2,6% người được khảo sát cho rằng nghề lưới rê cũng là nghề xâm hại đến nguồn lợi hải sản nhiều.



Hình 2: Quan điểm của ngư dân về loại ngư cụ xâm hại đến nguồn lợi hải sản.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Lực lượng thanh tra chuyên ngành thủy sản ở Nghệ An vẫn còn thiếu, chưa đáp ứng được so với yêu cầu tuần tra, kiểm soát được các hoạt động khai thác của ngư dân trên các vùng biển, đặc biệt là vùng ven bờ và vùng lộng.

- Các văn bản pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ, phát triển nguồn lợi hải sản của tỉnh Nghệ An đã quy định tương đối cụ thể.

- Công tác tuyên truyền, tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên biển ở Nghệ An đã được các cơ quan chức năng thực hiện thường xuyên.

- Các tàu khai thác hải sản tại vùng ven bờ và vùng lộng chủ yếu sử dụng kích thước mắt lưới nhỏ hơn quy định; nghề, ngư cụ cấm ở vùng ven bờ vẫn sử dụng trong khai thác hải sản là te, lồng bắt quái và lưới kéo.

- Trung bình 14,4% tàu cá có chiều dài lớn

nhất từ 6-<12 m thường xuyên ra vùng lộng để đánh bắt; 41,2 % tàu cá từ 12-<15 m thường xuyên vào vùng ven bờ để khai thác; riêng đối với nhóm tàu cá <6 m không vi phạm vùng biển khai thác.

- Đa số ngư dân nắm được các quy định liên quan đến phân vùng khai thác, nghề, ngư cụ cấm khai thác và quy định liên quan đến bảo vệ nguồn lợi hải sản.

2. Kiến nghị

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý nghề khai thác hải sản, đặc biệt là các quy định về kích thước mắt lưới, ngư trường khai thác của các nghề và ngư cụ cấm khai thác.

- Bổ sung nhân lực cho lực lượng thanh tra chuyên ngành thủy sản của tỉnh Nghệ An.

- Tiếp tục phát huy hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến hiệu quả các quy định hiện hành về khai thác và bảo vệ nguồn lợi hải sản cho ngư dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018), Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 quy định về thuyền viên tàu cá, tàu công vụ thủy sản.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2022), Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

3. Chi cục thủy sản Nghệ An (2021), Báo cáo số 219/BC-CCTS-HC ngày 31/12/2021 về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện năm 2022.
4. Chi cục thủy sản Nghệ An (2022), Báo cáo số 214/BC-CCTS-HC ngày 15/12/2022 về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện năm 2023.
5. Chi cục thủy sản Nghệ An (2022), Thống kê số lượng tàu cá theo nghề và nhóm chiều dài năm 2022.
6. Chính phủ (2019), Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thủy sản.
7. Phạm Sỹ Tấn (2023), Hiện trạng bảo vệ nguồn lợi hải sản ở vùng biển ven bờ và vùng lộng tỉnh Nghệ An, Báo cáo chuyên đề, Viện nghiên cứu Hải sản.
8. UBND tỉnh Nghệ An (2015), Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 09/01/2015 ban hành quy định về quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
9. UBND tỉnh Nghệ An (2019), Quyết định số 5423/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 về việc công bố hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản trên biển tại vùng lộng và vùng ven bờ của tỉnh Nghệ An.
10. UBND tỉnh Nghệ An (2021), Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 ban hành kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030.
11. Vũ Việt Hà (2023), Đánh giá hiện trạng nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ và vùng lộng tỉnh Nghệ An, Báo cáo chuyên đề, Viện nghiên cứu Hải sản.
12. Constantine Stamatopoulos (2002), Sample Based Fishery Surveys - A Technical Handbook, Food and Agriculture Organization of the United Nations, Rome.